TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thanh Hải

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn Suội, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ; Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Suội, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Bùi Văn Đ chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/02/2016. Do

bố mẹ anh Đ đã chết nên sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị T sinh sống cùng dì ruột của anh Đ là Bùi Thị Hậu tại thôn Suội, xã Thiết ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không tu chí làm ăn dẫn đến bất đồng quan điểm sống, mặc dù chị T đã nhiều lần góp ý nhưng anh Đ vẫn không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Minh Tài, sinh ngày 13/02/2016, hiện tại cháu Tài đang sống cùng chị T nên khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tài; Chị T yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1 tháng.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh Đ đồng ý với phần nội dung trình bày về việc đăng ký kết hôn của chị Bùi Thị T là đúng thực tế. Trong quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng hòa thuận, việc chị T yêu cầu ly hôn anh Đ không biết lý do, do đó anh Đ không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Đ công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Minh Tài, sinh ngày 13/02/2016. Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tài và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kiên trì hòa giải nhưng anh Đ, chị T vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bá Thước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Bùi Văn Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Bùi Văn Đ có nơi cư trú tại thôn Suội, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Bùi Thị T, bị đơn anh Bùi Văn Đ đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Bùi Văn Đ chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2016 tại UBND xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống; Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, người nào biết người nấy, không còn quan tâm tới nhau, hiện tại chị T không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ công nhận nội dung về đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng thực tế, tuy nhiên anh Đ cho rằng cuộc sống hôn nhân vợ chồng vẫn bình thường nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh Đ và chị T trong thời gian đầu sinh sống tại địa phương hòa thuận, nhưng sau đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đi làm ăn xa dẫn đến có sự ngăn cách làm phát sinh bất đồng quan điểm sống, không thông cảm được cho nhau, mặc dù đã được gia đình động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:*

Chị T và anh Đ công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Minh Tài, sinh ngày 13/02/2016; Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tài; Chị T đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1 tháng. Anh Đ có ý kiến nếu phải ly hôn thì anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tài và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Xét thấy hiện tại cháu Tài đang ở với chị T; Nguyện vọng của cháu Tài là được ở với chị T; Chị T có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo tốt về mọi mặt; Để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của cháu Tài nên khi ly hôn giao cháu Tài cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị T yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1 tháng là phù hợp với mức lương tối thiểu vùng tại nơi anh Đ cư trú nên được chấp nhận.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Bùi Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Công nhận chị T, anh Đ có một con chung là Bùi Minh Tài, sinh ngày 13/02/2016. Khi ly hôn giao cháu Tài cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 cho đến

khi cháu Tài thành niên; Anh Đ có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Bùi Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005898 ngày 10/02/2025. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị T phải nộp, theo đó chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T, anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thiết Ống;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Long